

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung;

Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Hoa Lan - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 183/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2021, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Xóm V, xã Ph C, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Mai Xuân H, sinh năm 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Xóm V, xã Ph C, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Con chung: Mai Hoàng Thư Ph, sinh ngày 02/12/2008 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2020, nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày: Năm 1990, bà và ông Mai Xuân H chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung, hai người có thời gian hạnh phúc và có với nhau 06 con chung:

- 1/. Mai Hoàng Trúc L, sinh năm 1991
- 2/. Mai Hoàng Trúc M, sinh năm 1993

3/. Mai Hoàng Trúc Th, sinh năm 1996

4/. Mai Hoàng Thảo Ng, sinh năm 2000

5/. Mai Kh, sinh năm 2002

Hiện các con chung đã thành niên và sống tự lập.

6/. Mai Hoàng Thư Ph, sinh năm 2008, hiện đang sống chung với vợ chồng bà Đ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2020, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng bà Trần Thị Đ yêu cầu:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Mai Xuân H.

Về con chung tên: Mai Hoàng Thư Ph, sinh 2008, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày ngày 26/02/2021, ông Mai Xuân H trình bày: thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung, tài sản chung như bà Đ trình bày.

Về hôn nhân: Ông Mai Xuân H cũng đồng ý ly hôn với bà Đ.

Các con chung: Mai Hoàng Trúc L, Mai Hoàng Trúc M, Mai Hoàng Trúc Th, Mai Hoàng Thảo Ng, Mai Kh đều đã thành niên và sống tự lập, riêng Mai Hoàng Thư Ph, sinh năm 2008, ông H đồng ý giao cho bà Trần Thị Đ nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 14/5/2021, cháu Mai Hoàng Thư Ph có nguyện vọng sống chung với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và ông Mai Xuân H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn nên vi phạm vào Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Cụ thể tại Điều 9 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý” Điều 14 quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và

chồng...” quan hệ hôn nhân của ông, bà là không hợp pháp, nên pháp luật không công nhận ông bà là vợ chồng.

[3] Về con chung tên: Mai Hoàng Trúc L, Mai Hoàng Trúc M, Mai Hoàng Trúc Th, Mai Hoàng Thảo Ng, Mai Kh đều đã thành niên và sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với cháu Mai Hoàng Thư Ph là con chung của bà Đ và ông H còn vị thành niên, bà Đ có nguyện vọng nuôi cháu Ph, ông H cũng đồng ý và cháu Ph cũng có nguyện vọng sống chung với bà Đ, nên Tòa án giao cháu Ph cho bà Đ được nuôi dưỡng là phù hợp, ông H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Ph do bà Đ không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung chung: Các bên khai không có, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273, 280 của Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Đ và ông Mai Xuân H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Đ được nuôi dưỡng con chung tên Mai Hoàng Thư Ph, sinh ngày 02/12/2008, phù hợp với nguyện vọng của cháu Ph muốn được sống chung với bà Đ. Ông Mai Xuân H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Trần Thị Đ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001889 ngày 26/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Cần.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự” ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiểu Cần ;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Long

